

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2017 ĐẾN 30 THÁNG 6 NĂM 2017

Tháng 7 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 17

0
C
C
H
I
E
N
I
A
/I
/H

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ

Tầng 7, tòa nhà 46-48, Quận Hoàn Kiếm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ An Phú được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015273 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006; Giấy phép hoạt động số 17/UBCK-GPHĐQLQ ngày 26 tháng 12 năm 2006; Giấy phép bổ sung số 240/QĐ-UBCK ngày 02 tháng 04 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 19/UBCK-GPĐC ngày 18 tháng 08 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 55/UBCK-GPĐC ngày 04 tháng 12 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh số 61/UBCK-GPĐC ngày 01 tháng 02 năm 2010 và Giấy điều chỉnh số 20/UBCK-GPĐC ngày 27 tháng 10 năm 2011. Theo Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 29 tháng 08 năm 2012 đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý quỹ An Phú thành Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Quốc tế. Giấy phép điều chỉnh số 04/GPDC – UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 02 năm 2016 theo đó trụ sở công ty chuyển về Tầng 7, tòa nhà 46-48 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 7, Tòa nhà 46-48 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 25.000.000.000 đồng (Hai mươi năm tỷ đồng chẵn); mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tương đương 2.500.000 cổ phần.. Danh sách các cổ đông sáng lập gồm có:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Trị giá vốn góp	Tỷ lệ
1.	Nguyễn Thị Loan	1.600.000	16.000.000.000	64,00%
2.	Trần Văn Kỳ	652.000	6.520.000.000	26,08%
3.	Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình	248.000	2.480.000.000	9,92%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Loan	Chủ tịch
Ông Trần Anh Quân	Ủy viên
Bà Nguyễn Ngọc Dung	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Lan	Ủy Viên
Bà Trịnh Ngọc Duyên	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Kim Nguyên	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Trần Hùng Cường	Trưởng ban kiểm soát
---------------------	----------------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã thực hiện soát xét thông tin tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Nguyên
Quyền Tổng Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 07 tháng 08 năm 2017

Số: 541/BCKT/TC/NV9

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**
Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế được lập ngày 07 tháng 08 năm 2017 từ trang 04 đến trang 17 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế, chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót do gian lận hoặc nhầm lẫn.

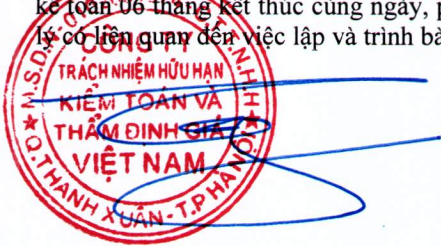
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 – soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Tho đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ vào kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Bảo Trung

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký

hành nghề kiểm toán số 0373-2014-126-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)

Ngày 08 tháng 08 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.681.901.831	16.668.714.081
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	16.602.899.066	16.580.984.338
1. Tiền	111		16.602.899.066	16.580.984.338
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.036.000	21.535.193
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	16.036.000	17.385.193
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	-	4.150.000
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		62.966.765	66.194.550
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	7	62.966.765	66.194.550
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		-	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		16.681.901.831	16.668.714.081


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		33.732.860	33.456.250
I. Nợ ngắn hạn	310		33.732.860	33.456.250
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		-	-
4. Phải trả người lao động	314		7.678.635	8.706.250
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	8	24.750.000	24.750.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
7. Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	9	1.304.225	-
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
4. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	10	16.648.168.971	16.635.257.831
I. Vốn chủ sở hữu	410		16.648.168.971	16.635.257.831
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
3. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.351.831.029)	(8.364.742.169)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(8.364.742.169)	(8.289.428.998)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) năm nay	421b		12.911.140	(75.313.171)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		16.681.901.831	16.668.714.081


Nguyễn Văn Anh
Người lập biểu
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 07 tháng 08 năm 2017


Nguyễn Văn Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Kim Nguyên
Quyển Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Mã số	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11	01	102.535.807	150.783.655
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)		10	102.535.807	150.783.655
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		11	-	-
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)		20	102.535.807	150.783.655
6. Doanh thu hoạt động tài chính	12	21	3.117.735	3.398.543
7. Chi phí tài chính		22	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	-	-
8. Chi phí bán hàng		24	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	13	25	89.514.617	165.734.458
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))		30	16.138.925	(11.552.260)
11. Thu nhập khác		31	-	-
12. Chi phí khác	14	32	-	25.655.001
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)		40	-	(25.655.001)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		50	16.138.925	(37.207.261)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15	51	3.227.785	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		52	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)		60	12.911.140	(37.207.261)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16	70	5,16	(14,88)

Nguyễn Văn Anh
Người lập biểu
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 07 tháng 08 năm 2017

Nguyễn Văn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Nguyên
Quyền Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	103.885.000	173.789.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(31.630.039)	(36.084.458)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(46.903.773)	(150.000.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	(17.728.280)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	-	1.000.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6.554.195)	(33.960.251)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	18.796.993	(62.983.989)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.117.735	3.398.543
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.117.735	3.398.543
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	21.914.728	(59.585.446)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.580.984.338	16.686.420.263
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	16.602.899.066	16.626.834.817



Nguyễn Văn Anh
Người lập biểu
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 07 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Văn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Nguyên
Quyền Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾTầng 7, tòa nhà 46-48, Quận Hoàn Kiếm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017
đến ngày 30 tháng 06 năm 2017**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu BC05-CTQ

(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ tại		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2016	01/01/2017	Kỳ trước		Kỳ này		31/12/2016	30/06/2017
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối Cộng	VIII	(8.289.428.998)	(8.364.742.169)	(75.313.171)	-	12.911.140	-	(8.364.742.169)	(8.351.831.029)
		<u>16.710.571.002</u>	<u>16.635.257.831</u>	<u>(75.313.171)</u>	-	<u>12.911.140</u>	-	<u>16.635.257.831</u>	<u>16.648.168.971</u>

Nguyễn Văn Anh
Người lập biểu
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 07 tháng 08 năm 2017Nguyễn Văn Anh
Kế toán trưởngNguyễn Kim Nguyên
Quyền Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 17 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ An Phú được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015273 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006; Giấy phép hoạt động số 17/UBCK-GPHĐQLQ ngày 26 tháng 12 năm 2006; Giấy phép bổ sung số 240/QĐ-UBCK ngày 02 tháng 04 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 19/UBCK-GPĐC ngày 18 tháng 08 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 55/UBCK-GPĐC ngày 04 tháng 12 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh số 61/UBCK-GPĐC ngày 01 tháng 02 năm 2010 và Giấy điều chỉnh số 20/UBCK-GPĐC ngày 27 tháng 10 năm 2011. Theo Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 29 tháng 08 năm 2012 đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý quỹ An Phú thành Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Quốc tế. Giấy phép điều chỉnh số 04/GPDC – UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 02 năm 2016 theo đó trụ sở công ty chuyển về Tầng 7, tòa nhà 46-48 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 7, Tòa nhà 46-48 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 25.000.000.000 đồng (Hai mươi năm tỷ đồng chẵn); mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tương đương 2.500.000 cổ phần.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt nam (VND)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải

có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính [kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4 Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.5 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu chưa có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.6 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

3.8 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	150.823.514	47.842.521
Tiền gửi ngân hàng	16.452.075.552	16.533.141.817
	<u>16.602.899.066</u>	<u>16.580.984.338</u>

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	16.036.000	17.385.193
Lê Duy Phúc	5.650.000	6.128.307
Nguyễn Đức Thắng	3.953.000	4.274.943
Nguyễn Hồng Trang	6.433.000	6.981.943
	16.036.000	17.385.193

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	4.150.000
Cộng	-	4.150.000

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 01/01/2017	Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	Tại ngày 30/06/2017
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	66.194.550	3.227.785	-	62.966.765
Cộng	66.194.550	3.227.785	-	62.966.765

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí kiểm toán	24.750.000	24.750.000
	24.750.000	24.750.000

9. PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả về các khoản bảo hiểm	1.304.225	-
Cộng	1.304.225	-

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	25.000.000.000	(8.289.428.998)	16.710.571.002
Lợi nhuận trong năm	-	(75.313.171)	(75.313.171)
Khác	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2017	25.000.000.000	(8.364.742.169)	16.635.257.831
Tăng vốn trong năm	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	12.911.140	12.911.140
Số dư tại ngày 30/06/2017	25.000.000.000	(8.351.831.029)	16.648.168.971

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2017	Tỷ lệ	Năm 2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Bà Nguyễn Thị Loan	16.000.000.000	64,00%	16.000.000.000	64,00%
Ông Trần Văn Kỳ	6.520.000.000	26,08%	6.520.000.000	26,08%
Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình	2.480.000.000	9,92%	2.480.000.000	9,92%
	25.000.000.000	100%	25.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	25.000.000.000	25.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	25.000.000.000	25.000.000.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND)		

11. DOANH THU

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016
	VND	VND
Doanh thu phí quản lý tài sản	102.535.807	150.783.655
	102.535.807	150.783.655

12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.117.735	3.398.543
	3.117.735	3.398.543

13. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí lương nhân viên quản lý	48.404.348	150.000.000
Chi phí kiểm toán	24.750.000	-
Thuế, phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí quản lý khác	13.360.269	12.734.458
	89.514.617	165.734.458

14. CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016
	VND	VND
Tiền phạt chậm nộp thuế TNDN	-	-
Tiền phạt vi phạm hành chính	-	25.655.001
	0	25.655.001

15. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	16.138.925	(37.207.261)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp	16.138.925	(37.207.261)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	3.227.785	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh các năm trước	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.227.785	-

16. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.911.140	(37.207.261)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	12.911.140	(37.207.261)
<u>Cổ phiếu</u>		
	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016
	VND	VND
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5,16	(14,88)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5,16	(14,88)

17. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu/ các cổ đông/ Tập đoàn (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(16.602.899.066)	(16.580.984.338)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	16.648.168.971	16.635.257.831
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

(Giá trị ghi sổ = Giá gốc - các khoản dự phòng)

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.602.899.066	16.580.984.338
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.036.000	21.535.193
	16.618.935.066	16.602.519.531
Công nợ tài chính		
Các khoản vay, nợ	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	1.304.225	-
Chi phí phải trả	24.750.000	24.750.000
	26.054.225	24.750.000

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này. [hoặc: Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu [các cổ đông] cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017			-
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.602.899.066	-	16.602.899.066
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.036.000	-	16.036.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
	16.618.935.066	-	16.618.935.066
Tại ngày 30/06/2017			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	1.304.225	-	1.304.225
Chi phí phải trả	24.750.000	-	24.750.000
	26.054.225	-	26.054.225
Chênh lệch thanh khoản thuần	16.592.880.841	-	16.592.880.841

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.580.984.338	-	16.580.984.338
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.535.193	-	21.535.193
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
	16.602.519.531	-	16.602.519.531
Tại ngày 01/01/2017			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	-	-	-
Chi phí phải trả	24.750.000	-	24.750.000
	24.750.000	-	24.750.000
Chênh lệch thanh khoản thuần	16.577.769.531	-	16.577.769.531

18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Bất động sản Hồ Gươm (Tên cũ: Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh vàng Quốc tế)

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần quản lý Quỹ Quốc tế hiện đang đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT của công ty đồng thời là Phó chủ tịch của Công ty Cổ phần Bất động sản Hồ Gươm (Tên cũ Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh vàng Quốc tế)

19. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

20. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính 2016 và Báo cáo soát xét cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2017 đã được kiểm toán, soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Nguyễn Văn Anh
 Người lập biểu
 Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 07 tháng 08 năm 2017



Nguyễn Văn Anh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Nguyên
 Quyền Tổng Giám đốc